

Số: 32/2019/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 588/TTr-STNMT ngày 15 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế “thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Sơn La việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ chính sách pháp luật - Bộ TN&MT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nhiệm vụ thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La; cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Các nội dung không quy định tại quy chế này thì thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La bao gồm:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai gồm:

- a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;
- b) Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;
- c) Thống kê, kiểm kê đất đai;
- d) Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- đ) Giá đất và bản đồ giá đất;
- e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước trong nước và liên quốc gia;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng;

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;

g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;

h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

d) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi cả nước;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

e) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

f) Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản.

g) Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

h) Thông tin, dữ liệu tai biến địa chất.

k) Thông tin, dữ liệu địa chất công trình, địa chất đô thị.

l) Mẫu vật địa chất, khoáng sản.

4. Thông tin, dữ liệu về môi trường gồm:

a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự

nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam;

c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác;

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết; kết quả nghiên cứu khoa học; chương trình dự án về khí tượng thủy văn;

h) Dữ liệu về khí hậu;

i) Dữ liệu hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (Hồ sơ kỹ thuật các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn; hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; hồ sơ kỹ thuật các trạm giám sát biến đổi khí hậu);

k) Dữ liệu khác về khí tượng, thủy văn (Phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn; kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết).

6. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm:

a) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội;

c) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;

d) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

đ) Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;

e) Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia;

g) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ;

h) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

7. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

b) Hệ thống không ảnh;

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình quốc gia;

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia;

đ) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;

e) Bản đồ hành chính;

g) Dữ liệu, danh mục địa danh;

h) Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám gồm:

a) Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám;

b) Dữ liệu viễn thám;

c) Dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám;

d) Sản phẩm ảnh viễn thám;

đ) Siêu dữ liệu viễn thám;

e) Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám;

f) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm khác theo quy định của dự án, đề án, thiết kế kỹ thuật - dự toán về viễn thám được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

12. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách Nhà nước cấp, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành trung ương ban hành, xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan Tài chính thẩm định, trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.



Chương II **THU THẬP THÔNG TIN,** **DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp dữ liệu về Tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh Sơn La có trách nhiệm trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và giao nộp thông tin, dữ liệu Tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 8 quy chế này.

Điều 7. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, cụ thể:

1. Lập kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng

a) Hàng năm các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xây dựng kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán nhiệm vụ kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu giúp Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường và

thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - xã hội về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

c) Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Sơn La sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật có trách nhiệm giao nộp các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

đ) Hàng năm, các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm: Cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp. Cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu lên cổng thông tin điện tử. Lập báo cáo thống kê theo quy định gửi UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp.

e) Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

- Giao nộp thông tin, dữ liệu; tiếp nhận thông tin, dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng theo quy định; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Quan trắc, điều tra, khảo sát;

- Nghiên cứu, dự báo;

- Tổng hợp, tạo lập thông tin, dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tại Điều 6 của Quy chế này có trách nhiệm giao nộp 01 bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường như sau:

- Trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày công việc kết thúc.

- Trong thời hạn (03) tháng, kể từ ngày nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ đối với dữ liệu môi trường, thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ và kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản.

Thành phần hồ sơ, tài liệu giao nộp gồm:

- Hồ sơ thực hiện theo thủ tục hành chính: Thành phần hồ sơ giao nộp gồm các tài liệu theo thành phần hồ sơ trong bộ thủ tục hành chính và các văn bản trung gian trong quá trình giải quyết đến khi hoàn thiện thủ tục hành chính.

- Hồ sơ không thực hiện theo thủ tục hành chính: Thành phần hồ sơ giao nộp thực hiện theo quy định cho từng lĩnh vực. Trường hợp không có quy định cụ thể thì hồ sơ giao nộp là toàn bộ văn bản, tài liệu có liên quan trong quá trình giải quyết cho đến khi kết thúc.

2. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải có giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu và lưu vào hồ sơ theo quy định. Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập, cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài Nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ Thông tin tài nguyên và môi trường) để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

5. Các đơn vị, doanh nghiệp có lắp đặt trạm quan trắc không khí, khí thải, nước tự động phải được lắp đặt thiết bị truyền và nhận để truyền trực tiếp kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, có trách nhiệm tự bảo quản các thiết bị dùng để truyền dữ liệu, đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường và chi phí truyền thông.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo



các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Chương III **TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU** **TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường thu thập phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

3. Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý được giao nhiệm vụ thu thập và lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Điều 4, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ việc lưu trữ, bảo quản, tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La.

Điều 11. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, cụ thể:

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì nhằm phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và hợp tác quốc tế. Cơ sở dữ liệu được tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý trực tiếp là Trung tâm Công nghệ Thông tin tài nguyên và môi trường. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện do Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tham mưu giúp UBND cấp huyện xây dựng, lưu trữ, quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

c) Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

d) Việc xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

2. Cập nhật cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

d) Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

- Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần sao chép và lưu trữ theo quy định;

- Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 6 (sáu) tháng 1 (một) lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan;

- Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

Điều 12. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

1. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng;

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;



3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc cơ quan chủ quản làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Chương IV

CUNG CẤP, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 13. Công bố danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Quy trình xây dựng danh mục thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc các ấn phẩm chuyên môn nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình UBND tỉnh công bố theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ. Thời gian công bố trước 31/12 hàng năm.

Điều 14. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu, yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Các tổ chức, cá nhân chỉ được phép khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường vào các mục đích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định sau:



- Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua mạng thông tin điện tử: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

- Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

- Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức Hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu tiếp nhận, kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, Hợp đồng khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu và thông báo nghĩa vụ tài chính.

3. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, Cơ quan quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu hiện có cho tổ chức cá nhân. Thời gian cung cấp dữ liệu do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

Điều 16. Cung cấp, khai thác cơ sở, thông tin dữ liệu

1. Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc độ Tối mật, mật và việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài thực hiện cung cấp, khai thác theo các quy định hiện hành.

2. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 17. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các bộ, ngành và UBND cấp tỉnh; giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

3. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử thực hiện như sau:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân



tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

b) Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Không được chuyển dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

5. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

6. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh

1. Thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ở địa phương. Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La về thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu hoặc có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ).

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Định kỳ trước ngày 20 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ).

Điều 20. Bảo vệ quyền và bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Quyền Sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và quy chế này.

3. Thực hiện giao nộp tài liệu cho cơ quan quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.



Điều 22. Trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ngành và UBND cấp huyện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh, bao gồm:

a) Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của địa phương và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của sở và của tỉnh; biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

c) Cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho các cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường thuộc cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường Quốc gia; cung cấp danh mục dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường các tỉnh có ranh giới tiếp giáp với tỉnh Sơn La theo quy định.

d) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin Tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu Tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu tỉnh Sơn La, các tỉnh, thành phố khác, các bộ, ngành và các cơ quan liên quan.

đ) Tổ chức lưu trữ, bảo quản, sử dụng và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Thực hiện thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh theo quy định;

f) Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

g) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp, hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; sẵn sàng chia sẻ, phục vụ các ngành, lĩnh vực khai thác, sử dụng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cung cấp danh mục và thông tin mô tả về thông tin các chương trình, dự án sử dụng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định.

b) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La hàng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng.

c) Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành liên quan

a) Hàng năm, theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị, xác định, lập danh mục dữ liệu Tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập dữ liệu Tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách. Cung cấp thông tin, dữ liệu; thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường) để phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng.

6. UBND các huyện, thành phố

a) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Chỉ đạo UBND cấp xã thu thập, giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

c) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và môi trường trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu Tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố; Cập nhật, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định; hàng năm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

d) Tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, công bố trên Trang/Công thông tin điện tử của UBND cấp huyện. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi danh mục (cập nhật theo năm) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chung.

đ) Hàng năm, trước ngày 20 tháng 11, báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.



2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./x

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh

